

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng điện và hybrid điện

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng điện và hybrid điện.

Chương I

HƯỚNG DẪN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại 9 chỗ trở xuống, kể cả người lái xe (sau đây viết tắt là xe ô tô con), xe mô tô, xe gắn máy sử dụng điện và hybrid điện, bao gồm: xe ô tô con hybrid điện, xe ô tô con thuần điện, xe mô tô hybrid điện, xe mô tô thuần điện và xe gắn máy thuần điện (sau đây viết tắt là xe) được sản xuất, lắp ráp từ linh kiện rời, hoàn toàn mới hoặc nhập khẩu chưa qua sử dụng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

- a) Xe được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sử dụng trực tiếp vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- b) Xe tạm nhập tái xuất; xe quá cảnh, xe chuyên khẩu; xe của ngoại giao, lãnh sự;
- c) Xe có kết cấu, công nghệ mà hiện tại việc thử nghiệm trong nước chưa thực hiện được;
- d) Xe nhập khẩu không vì mục đích kinh doanh xe;
- đ) Xe nhập khẩu theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ;
- e) Xe chỉ được dẫn động bằng động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu là xăng, điêzen, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí tự nhiên (NG/biomethane và H₂NG), nhiên liệu hydro.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, lắp ráp, tổ chức, cá nhân nhập khẩu xe và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc dán nhãn năng lượng xe.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Hệ dẫn động điện (Electric power train) là hệ thống bao gồm: một hoặc nhiều thiết bị tích trữ điện năng (ắc quy, pin, bánh đà điện cơ hoặc siêu tụ); một hoặc nhiều thiết bị ổn định điện năng; một hoặc nhiều thiết bị điện được sử dụng để chuyển đổi điện năng tích trữ thành cơ năng truyền tới các bánh xe làm nguồn động lực cho xe chuyển động.

2. Hệ dẫn động hybrid điện (Hybrid electric power train) là hệ dẫn động tiêu thụ năng lượng từ cả hai nguồn năng lượng được tích trữ trên xe như sau:

- a) Nhiên liệu;
- b) Thiết bị tích trữ điện năng.

3. Xe thuần điện (Pure electric vehicle, PEV) là xe được dẫn động bằng hệ dẫn động điện.

4. Xe hybrid điện (Hybrid electric vehicle, HEV) là xe được dẫn động bằng hệ dẫn động hybrid điện (bao gồm cả xe sử dụng nhiên liệu tiêu thụ chỉ để nạp điện cho thiết bị tích trữ điện năng).

5. Xe hybrid điện nạp điện ngoài (Off-Vehicle Charging - Hybrid electric vehicles, OVC-HEV) là xe hybrid điện có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài.

6. Xe hybrid điện không nạp điện ngoài (Not Off-Vehicle Charging - Hybrid electric vehicles, NOVC-HEV) là xe hybrid điện không có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài.

7. Công suất lớn nhất trong 30 phút (Maximum 30 minutes power): Định nghĩa tại điểm 2.5 Điều 2 TCVN 9725:2013 Phương tiện giao thông đường bộ - Đo công suất hữu ích của động cơ đốt trong và công suất lớn nhất trong 30 phút của hệ động lực điện - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu.

8. Vận tốc lớn nhất 30 phút (Maximum 30 minutes speed) là giá trị trung bình của tốc độ lớn nhất nhà sản xuất đưa ra mà xe có thể duy trì được trong 30 phút.

9. Nhãn năng lượng của xe (sau đây viết tắt là nhãn năng lượng) là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng và các thông tin liên quan của các loại xe như sau:

a) Đối với xe ô tô con thuần điện, xe mô tô thuần điện và xe gắn máy thuần điện: mức tiêu thụ điện năng;

b) Đối với xe ô tô con hybrid điện nạp điện ngoài và xe mô tô hybrid điện nạp điện ngoài: loại nhiên liệu sử dụng, mức tiêu thụ nhiên liệu, mức tiêu thụ điện năng;

c) Đối với xe mô tô hybrid điện không nạp điện ngoài: loại nhiên liệu sử dụng và mức tiêu thụ nhiên liệu.

10. Mức tiêu thụ năng lượng của xe

a) Đối với xe ô tô con thuần điện, xe mô tô thuần điện và xe gắn máy thuần điện: lượng điện năng tiêu thụ của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử xác định;

b) Đối với xe ô tô con hybrid điện nạp điện ngoài và xe mô tô hybrid điện nạp điện ngoài: lượng nhiên liệu và điện năng tiêu thụ của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử xác định;

c) Đối với xe mô tô hybrid điện không nạp điện ngoài: lượng nhiên liệu tiêu thụ của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử xác định.

11. Cơ quan quản lý chất lượng (sau đây viết tắt là cơ quan QLCL) là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

12. Cơ sở sản xuất, lắp ráp là tổ chức sản xuất, lắp ráp xe (sau đây viết tắt là SXLR) được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

13. Cơ sở nhập khẩu là tổ chức thực hiện việc nhập khẩu (sau đây viết tắt là NK) xe.

14. Cơ sở kinh doanh xe là tổ chức, cá nhân thực hiện việc bán, phân phối xe ra thị trường.

15. Cơ sở thử nghiệm, phòng thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng của xe (sau đây viết tắt là cơ sở thử nghiệm) là tổ chức thử nghiệm chuyên ngành đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp/hoặc đã được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam (VILAS) hoặc được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận quốc tế (ILAC), Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận Châu Á - Thái Bình Dương (APLAC)).

Điều 4. Hướng dẫn chung

1. Xe cùng kiểu loại

a) Đối với xe ô tô con thuần điện và xe ô tô con hybrid điện: được định nghĩa tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này (áp dụng cho xe SXLR) hoặc tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này (áp dụng cho xe NK);

b) Đối với xe mô tô hybrid điện và xe mô tô thuần điện, xe cùng kiểu loại là các xe có cùng các đặc điểm cơ bản sau đây: sản phẩm của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế và các thông số kỹ thuật, được sản xuất theo cùng một dây chuyền công nghệ; khối lượng quán tính tương đương được xác định theo khối lượng chuẩn tương ứng tại Bảng D.12-4 của TCVN 13062:2020 bao gồm cả các đặc điểm của xe, động cơ nêu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với xe gắn máy thuần điện, xe cùng kiểu loại là các xe có cùng các đặc điểm cơ bản sau đây: sản phẩm của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế và các thông số kỹ thuật, được sản xuất theo cùng một dây chuyền công nghệ; khối lượng quán tính tương đương được xác định theo khối lượng chuẩn tương ứng tại Bảng 3 điểm 3.7.1 Điều 3 QCVN 04:2009/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành bao gồm cả các đặc điểm của xe, động cơ nêu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sau khi gửi Bản công khai mức tiêu thụ năng lượng theo nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II hoặc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này tới cơ quan QLCL, cơ sở SXLR, NK thực hiện dán nhãn năng lượng trên từng xe trước khi đưa ra thị trường. Nhãn năng lượng được cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe duy trì trên xe cho tới khi xe được bàn giao đến tay người tiêu dùng.

3. Đối với xe ô tô con hybrid điện không nạp điện ngoài, việc dán nhãn năng lượng thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 7 chỗ trở xuống hoặc Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 7 chỗ đến 9 chỗ.

Chương II

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP THỬ

Điều 5. Đối với xe ô tô con thuần điện và xe ô tô con hybrid điện

1. Các thông tin và thông số kỹ thuật chính của xe được cơ sở SXMLR, NK cung cấp như sau:

a) Đối với xe ô tô con thuần điện: theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với xe ô tô con hybrid điện nạp điện ngoài: theo Phụ lục C TCVN 7792:2015.

2. Phương pháp thử

a) Đối với xe ô tô con thuần điện

Việc đo tiêu thụ điện năng được thực hiện theo phương pháp và chu trình thử theo hướng dẫn tại Phụ lục E TCVN 7792:2015.

b) Đối với xe ô tô con hybrid điện nạp điện ngoài

Việc đo tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ điện năng được thực hiện theo phương pháp và chu trình thử nêu tại Phụ lục F TCVN 7792:2015. Kết quả mức tiêu thụ nhiên liệu của xe OVC - HEV được tính toán theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Giá trị quãng đường sử dụng điện năng sử dụng trong tính toán kết quả mức tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ điện năng được lấy theo tài liệu do nhà sản xuất cung cấp hoặc được đo theo quy trình nêu tại Phụ lục G TCVN 7792:2015.

Việc đo mức tiêu thụ năng lượng của xe được thực hiện độc lập hoặc kết hợp với thử khí thải. Trường hợp kết hợp được với thử khí thải, giá trị mức tiêu thụ nhiên liệu được tính toán nêu tại điểm D.1.4.3 Phụ lục D TCVN 7792:2015 bằng phương pháp cân bằng các bon sử dụng kết quả phát thải CO₂ đo được và phát thải các bon liên quan khác (CO và HC).

c) Cơ sở SXMLR, NK được áp dụng các phương pháp thử theo Ủy ban Châu Âu (EC)/ Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp quốc (ECE) hoặc Cơ quan Bảo

vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) thay cho phương pháp thử nêu trong TCVN 7792:2015 để đo tiêu thụ năng lượng cho các loại xe nêu trên.

3. Đơn vị đo và cách làm tròn kết quả đo mức tiêu thụ năng lượng

a) Đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu là: lít (l)/100 kilômét (km) đối với nhiên liệu là xăng, LPG, ethanol (E85) và điêzen; mét khối (m³)/100 kilômét (km) đối với nhiên liệu là khí tự nhiên NG/biomethane và H₂NG; kilôgam (kg)/100 kilômét (km) đối với nhiên liệu hydro. Kết quả đo phải được làm tròn tới số thập phân thứ hai.

b) Đơn vị đo mức tiêu thụ điện năng là oát giờ (Wh)/kilômét (km). Kết quả đo phải được làm tròn tới số thập phân thứ hai.

Điều 6. Đối với xe gắn máy thuần điện, xe mô tô thuần điện và xe mô tô hybrid điện

1. Các thông tin và thông số kỹ thuật chính của xe được cơ sở SXLR, NK cung cấp theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phương pháp thử

a) Đối với xe gắn máy thuần điện

Việc đo tiêu thụ điện năng được thực hiện theo phương pháp nêu tại Điều 7 TCVN 12776-1:2020 và chu trình thử nêu tại Phụ lục A TCVN 12776-1:2020.

b) Đối với xe mô tô thuần điện

Việc đo tiêu thụ điện năng được thực hiện theo một trong hai phương pháp sau: Phương pháp nêu tại Điều 7 TCVN 12776-1:2020 và chu trình thử nêu tại Phụ lục B TCVN 12776-1:2020 hoặc phương pháp nêu tại Phụ lục G.2 TCVN 13062:2020.

c) Đối với xe mô tô hybrid điện

Việc đo tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ điện năng được thực hiện theo phương pháp và chu trình thử nêu tại Phụ lục G.3 TCVN 13062:2020. Giá trị quãng đường sử dụng điện năng sử dụng trong tính toán kết quả mức tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ điện năng được lấy theo tài liệu do nhà sản xuất cung cấp hoặc được đo theo quy trình nêu tại Phụ lục G.6 TCVN 13062:2020.

Việc đo mức tiêu thụ năng lượng của xe được thực hiện độc lập hoặc kết hợp với thử khí thải. Trường hợp kết hợp được với thử khí thải, giá trị mức tiêu thụ nhiên liệu được tính toán theo hướng dẫn tại điểm G.1-1.4.3 Phụ lục G1 TCVN 13062:2020 bằng phương pháp cân bằng các bon sử dụng kết quả phát thải CO₂ đo được và phát thải các bon liên quan khác (CO và HC).

d) Cơ sở SXLR, NK được áp dụng các phương pháp thử theo quy định của Ủy ban Châu Âu (EC)/Ủy ban Kinh tế Châu Âu của Liên Hợp quốc (ECE) hoặc Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) thay cho phương pháp thử nêu trong TCVN 12776-1:2020 hoặc TCVN 13062:2020 để đo tiêu thụ năng lượng cho các loại xe nêu trên.

3. Đơn vị đo và cách làm tròn kết quả đo mức tiêu thụ năng lượng áp dụng theo khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Nội dung báo cáo tiêu thụ năng lượng

1. Phương pháp thử, chu trình thử trong báo cáo mức tiêu thụ năng lượng phải phù hợp với các hướng dẫn tại Điều 5 hoặc Điều 6 Thông tư này.

2. Báo cáo mức tiêu thụ năng lượng do cơ sở thử nghiệm cấp cho xe đăng ký thử có các nội dung theo quy định tại Phụ lục VI, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với các xe mà cơ sở SXLR, NK áp dụng các phương pháp thử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 hoặc điểm d khoản 2 Điều 6, cơ sở SXLR, NK sử dụng báo cáo thử nghiệm phù hợp với phương pháp thử đã áp dụng.

Chương III

CÔNG KHAI THÔNG TIN MỨC TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 8. Công khai thông tin mức tiêu thụ năng lượng

1. Cơ sở SXLR, NK phải công khai thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của xe trước khi thực hiện dán nhãn năng lượng.

2. Cơ sở SXLR, NK căn cứ vào báo cáo tiêu thụ năng lượng theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này để công khai thông tin về mức tiêu thụ năng lượng. Mức tiêu thụ năng lượng công khai không được nhỏ hơn 4% so với kết quả đo (nếu số lần thử nhiều hơn một lần thì kết quả đo là trung bình cộng của các lần thử) trong báo cáo tiêu thụ năng lượng. Bản công khai mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe theo hướng dẫn tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với kiểu loại xe SXLR hoặc xe NK được xác định cùng kiểu loại với kiểu loại xe đã công khai mức tiêu thụ năng lượng, các cơ sở SXLR, cơ sở NK được phép sử dụng giá trị mức tiêu thụ năng lượng đã công khai để đăng ký mà không cần thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.

4. Việc công khai thông tin liên quan đến mức tiêu thụ năng lượng thực hiện bằng các hình thức sau:

a) Gửi bản công khai mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe tới cơ quan QLCL để công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan QLCL;

b) Đăng tải mức tiêu thụ năng lượng trên trang thông tin điện tử của cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe (nếu có).

5. Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe đó ra thị trường.

Điều 9. Dán nhãn năng lượng

1. Cơ sở SXLR, NK tự in nhãn năng lượng theo mẫu quy định của Bộ Công Thương.

2. Đối với các xe cùng sử dụng chung một Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ năng lượng thì cơ sở SXLR, NK có thể công khai thông tin trên cùng một nhãn năng lượng.

3. Vị trí dán nhãn năng lượng

a) Đối với xe ô tô con thuần điện và xe ô tô con hybrid điện nạp điện ngoài: nhãn năng lượng phải được dán bên trong xe, phía người lái, ở cửa kính bên cố định phía sau hoặc kính chắn gió phía sau, tại vị trí dễ quan sát nhìn từ bên ngoài xe. Đối với trường hợp khó quan sát khi dán bên trong xe thì được phép dán bên ngoài xe tại vị trí dễ quan sát.

b) Đối với xe gắn máy thuần điện, xe mô tô thuần điện và xe mô tô hybrid điện: nhãn năng lượng phải được dán tại vị trí dễ quan sát.

Điều 10. Công khai lại thông tin về mức tiêu thụ năng lượng và dán lại nhãn năng lượng

1. Cơ sở SXLR, NK phải thử và công khai lại thông tin về mức tiêu thụ năng lượng và dán nhãn năng lượng đối với một trong các trường hợp sau:

a) Công khai sai mức tiêu thụ năng lượng;

b) Kết quả kiểm tra, giám sát theo hướng dẫn tại Điều 11 phát hiện mức tiêu thụ năng lượng thực tế vượt quá 4% so với mức công khai của cơ sở SXLR, NK.

2. Cơ sở SXLR, NK phải thực hiện công khai lại thông tin nhưng không phải thử lại đối với các xe cùng kiểu loại mà có các thông tin công khai thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến kết quả về mức tiêu thụ năng lượng (tên thương mại, tính tiện nghi và thẩm mỹ).

3. Nội dung, hình thức công khai lại thông tin về mức tiêu thụ năng lượng và dán lại nhãn năng lượng được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát liên quan đến thực hiện dán nhãn năng lượng

Cơ quan QLCL tổ chức kiểm tra, giám sát liên quan đến thực hiện dán nhãn năng lượng như sau:

1. Hằng năm, lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra việc tuân thủ về công khai thông tin mức tiêu thụ năng lượng, thực hiện dán nhãn của cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe theo hướng dẫn tại Chương III Thông tư này.

2. Kiểm tra đột xuất trong trường hợp nhận được phản ánh, khiếu nại có căn cứ về dấu hiệu vi phạm liên quan đến việc thực hiện dán nhãn năng lượng của cơ sở SXLR, NK. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm rõ ràng đối với mức tiêu thụ năng lượng đã công khai, cơ quan QLCL có quyền yêu cầu cơ sở SXLR, NK phải thử lại mức tiêu thụ năng lượng và thực hiện việc công khai lại thông tin về mức tiêu thụ năng lượng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan QLCL

1. Tiếp nhận, công khai thông tin liên quan đến mức tiêu thụ năng lượng của xe theo hướng dẫn tại Thông tư này trên Trang thông tin điện tử của cơ quan QLCL.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các khiếu nại, tranh chấp, xử lý vi phạm liên quan đến việc công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe và dán nhãn năng lượng.

3. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính thì thông báo bằng văn bản tới Cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoá chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

4. Tổng hợp kết quả thực hiện công tác kiểm tra dán nhãn năng lượng xe, báo cáo Bộ Giao thông vận tải khi có yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở thử nghiệm

Chịu trách nhiệm về tính chính xác và hiệu lực của kết quả thử tiêu thụ năng lượng của xe do cơ sở thử nghiệm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe

1. Thực hiện công khai thông tin mức tiêu thụ năng lượng và dán nhãn năng lượng cho xe theo hướng dẫn tại Thông tư này trước khi đưa ra thị trường.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo thử nghiệm và nội dung mức tiêu thụ năng lượng đã công khai.

3. Cơ sở SXLR, NK lưu trữ tài liệu liên quan đến công khai thông tin mức tiêu thụ năng lượng, gồm: bản công khai mức tiêu thụ năng lượng; bản sao báo cáo về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe tối thiểu 3 năm kể từ thời điểm dừng SXLR, NK kiểu loại xe.

4. Cơ sở SXLR, NK thực hiện báo cáo định kỳ gửi về cơ quan QLCL bao gồm các thông tin như sau:

- a) Tên báo cáo: báo cáo định kỳ về việc dán nhãn năng lượng;
- b) Nội dung yêu cầu báo cáo: số lượng các kiểu loại xe dán nhãn năng lượng; tiêu thụ năng lượng trung bình chung trong 01 năm của mỗi cơ sở SXLR, NK;
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: cơ sở SXLR, NK;
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua hệ thống thư điện tử, các phương thức khác theo quy định của pháp luật;
- e) Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm;
- g) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo định kỳ hằng năm;
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
- i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: theo hướng dẫn tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cơ sở SXLR, NK có trách nhiệm báo cáo cơ quan QLCL khi có các thay đổi liên quan đến thông tin nhãn năng lượng đã công khai để được xem xét và giải quyết.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Khuyến khích các cơ sở SXLR; tổ chức, cá nhân NK xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy và các cơ quan,

tổ chức, cá nhân liên quan áp dụng Thông tư này sớm hơn thời điểm có hiệu lực nêu trên.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Xe SXLR có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không phải thực hiện việc dán nhãn năng lượng theo hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Xe NK mới có thời điểm mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Luật Hải quan hoặc đã về đến cảng, cửa khẩu của Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không phải thực hiện việc dán nhãn năng lượng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ